TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/DS-ST
Ngày: 22/8/2017.
V/v: "*Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Được

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Đại Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận *tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2017 về việc *"Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-DS ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm 1925 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, phường TS, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Ông Lê H – sinh năm 1939, trú tại: 1xx/19 Ngô Gia Tự, phường TS, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, phường TS, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm: Ông Nguyễn Xuân T – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố P (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Quốc B – sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thu N – sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Ông Nguyễn Công Đ– sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Ông Nguyễn Thành T – sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường TS, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê H trình bày:

Bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột của ông Nguyễn Duy T. Bà không nhớ ông T và bà Nguyễn Thị M sống chung từ thời gian nào, nhưng giữa ông T và bà M có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, vợ chồng ông T, bà M có tạo lập được tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AH 398xxx của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông T và bà M. Năm 2011, ông T mất, không để lại di chúc. Quá trình chung sống, ông T và bà M không có con chung và ông T cũng không có bất kỳ con riêng với ai. Những người được quyền hưởng di sản thừa kế của ông T để lại chỉ gồm bà P và bà M. Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Duy T để lại là ½ giá trị căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS, theo GCNQSDĐ số AH 398xxx của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông T và bà M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Thửa đất số 106, tọa lạc tại phường TS có nguồn gốc do mẹ của bà mua của vợ chồng ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị C năm 1992 và xây nhà như cấu trúc hiện nay. Năm 1993, bà quen biết với ông Nguyễn Duy T là con của bà Nguyễn Thị P, sau đó ông T sống chung với bà tại căn nhà này. Năm 2003, bà và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TS. Trong thời gian sống chung, vợ chồng bà không có con chung và tài sản chung gì. Năm 2006, ông T tự ý đăng ký kê khai cấp GCNQSDĐ nhưng không hỏi ý kiến của bà. Bà không biết việc ông T ghi tên ông T vào hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này ông T đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì bà mới biết ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Duy T để lại thì bà không đồng ý vì căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS không có phần của ông T. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án hủy một phần GCNQSDĐ đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS đứng tên ông Thân để bà được sở hữu riêng thửa đất này.

Tại phiên tòa hôm nay, bà xin rút yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS theo GCNQSDĐ số AH 398xxx của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông T và bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc , bà Nguyễn Thu N, ông Nguyễn Công Đ, ông Nguyễn Thành T có bản trình bày ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P và xin vắng mặt tại phiên hòa giải hôm nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố P có bản trình bày ý kiến đề ngày 08/3/2017 không đồng ý việc bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AH 398xxx ngày 14/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị M và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì lý do bận công việc.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và định chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của bà M về hủy GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông T và bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án: "*Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bị đơn bà Nguyễn Thị M có yêu cầu phản tố hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 398xxx của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Thân và bà Mười. Căn cứ Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 22/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhận được giấy ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân T tham gia tố tụng, thay thế giấy ủy quyền ngày 27/02/2017. Ông

Nguyễn Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Xét thấy, ông Nguyễn Xuân T, ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Thu N, ông Nguyễn Công Đ, ông Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Về thời hiệu khởi kiện:

Ông Nguyễn Duy T chết ngày 27/10/2012 theo Trích lục khai tử ngày 24/5/2016 của Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố P (BL 14). Do đó, thời điểm mở thừa kế của ông T là ngày 27/10/2012. Ngày 27/5/2016 nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông T, áp dụng Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu chia di sản thừa kế còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về quan hệ hôn nhân, huyết thống:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông Nguyễn Duy T là con ruột của bà Nguyễn Thị P, ông T và bà Nguyễn Thị M sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Sơn. Bà Nguyễn Thị M có 04 người con riêng là Nguyễn Quốc B, Nguyễn Thu N, Nguyễn Công Đ, Nguyễn Thành T. Hiện các con chung của bà M đều còn sống.

[3] Về nguồn gốc đất đương sự yêu cầu chia thừa kế:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong thời gian sống chung, vợ chồng ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị M có nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn N thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS (gọi tắt là thửa 106). Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày thửa 106 có nguồn gốc do mẹ của bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị C năm 1992, sau đó tặng riêng cho bà. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 22/3/2017 (BL 96), bà Nguyễn Thị C trình bày: "*Tôi là vợ của ông Lương Văn N (hiện nay ông Ngọt đã mất). Khoảng năm 1992, vợ chồng tôi có bán cho bà Nguyễn Thị Nh (là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị M) một thửa đất có diện tích 135m^2 với giá 22 chỉ vàng y. Lúc mua bán có làm giấy viết tay, nhưng hiện nay đã bị thất lạc. Sau khi mua, do nhà tôi đối diện với thửa đất mà vợ chồng tôi bán cho bà Nh nên chứng kiến việc xây nhà như hiện trạng hiện nay. Bà Nh có nói lại với vợ chồng tôi là nhà đất bà Nh mua của vợ chồng tôi chỉ tặng riêng cho bà Nguyễn Thị M, dù sau này bà M có chồng khác thì nhà đất này chỉ tặng riêng cho bà M và 03 đứa con hiện đang sống với bà M"*. Như vậy lời trình bày của các đương sự và lời khai của người làm chứng về nguồn gốc thửa số 106 là nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị C phù hợp với xác nhận của UBND phường

TS về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: "*Đất sử dụng ổn định trước năm 1975, nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn N vào ngày 03/04/1993 và sử dụng ổn định cho đến nay"* tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/7/2006 (BL 79) do UBND thành phố P cung cấp. Mặc dù ngày 16/7/2003 ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị M mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn (BL 33), nhưng các đương sự đều thừa nhận ông T và bà M đã sống chung với nhau từ năm 1993. Bà M không cung cấp được giấy tờ chứng minh mẹ của bà nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị C. Do đó có thể khẳng định căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa 106 trước thời điểm UBND thành phố P cấp GCNQSDĐ cho ông T và bà M là tài sản chung theo phần của ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị M. Ngày 26/7/2006 ông Nguyễn Duy T làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tên người sử dụng đất là Nguyễn Duy T và Nguyễn Thị M, được UBND phường TS xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, không ai tranh chấp, khiếu nại, phù hợp với quy hoạch. Đến 14/12/2006 ông T và bà M được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 398xxx đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2) phường TS với diện tích 135m^2. Như vậy, việc UBND thành phố P cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị M là phù hợp quy định của pháp luật. Bà M trình bày năm 2006, ông T tự ý đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không hỏi ý kiến của bà. Tuy nhiên sau khi biết ông T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M không khiếu nại hoặc không có ý kiến gì về việc cấp GCNQSDĐ của UBND thành phố P. Như vậy, bà M và ông T đã đồng ý thỏa thuận nhập tài sản chung theo phần thành tài sản chung hợp nhất.

[4] Về giá trị tài sản đang tranh chấp:

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 15/5/2017, kết quả định giá của Hội đồng định giá như sau:

- Về đất: Qua kiểm tra tại thực địa và đối chiếu hồ sơ sử dụng đất có sự thay đổi về diện tích thửa đất, diện tích theo hiện trạng thực tế là 138,3m^2, được chỉnh lý thành thửa đất số 168, tờ bản đồ số 12, phường TS. Nguyên nhân tăng giảm là do quá trình xây dựng ranh giới thửa đất, dẫn tới thay đổi diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào diện tích theo hiện trạng thực tế là 138,3m^2 để định giá đất.

Về giá trị đất tranh chấp: Theo Biên bản xác minh ngày 28/4/2017, giá chuyển nhượng thực tế bình quân tại khu vực thửa đất đang tranh chấp do UBND phường TS cung cấp là 6.360.000 đồng/m^2. Như vậy, trị giá đất tại thửa 168, tờ bản đồ số 12, phường TS là 879.588.000 đồng *(tám trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm tám mươi tám ngàn đồng).*

- Về các tài sản trên đất được Hội đồng định giá là 112.003.138 đồng (*một trăm mười hai triệu, không trăm linh ba ngàn, một trăm ba mươi tám đồng).*

Tổng giá trị toàn bộ thửa đất số 168 và các tài sản trên đất là 991.591.138 đồng (*chín trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi mốt ngàn, một trăm ba mươi tám đồng).*

Mặc dù Ủy ban nhân dân phường TS cung cấp giá chuyển nhượng thực tế bình quân tại khu vực thửa đất đang tranh chấp là 6.360.000 đồng/m^2 và không cung cấp được bất kỳ hợp đồng chuyển nhượng thực tế nào gần khu vực đất đang tranh chấp tại thời điểm định giá tài sản, nhưng ý kiến của các đương sự tại biên bản định giá và tại phiên tòa hôm nay đều đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá và không yêu cầu định giá lại.

[5] Về xác định di sản thừa kế và người thừa kế:

- Về xác định di sản thừa kế:

Ông Nguyễn Duy T chết ngày 27/10/2012, không để lại di chúc. Ngày 27/5/2016 nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông T. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Theo đó, bà M có công sức rất lớn trong việc tạo lập và duy trì khối tài sản chung nên được chia 70% giá trị tài sản chung, ông T được chia 30% giá trị tài sản chung.

Do đó di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy T được tính như sau: 991.591.138 đồng x 30% = 297.477.341 đồng *(hai trăm chín mươi bảy triêu, bốn trăm bảy mươi bản ngàn, ba trăm bốn mươ mốt đồng).*

- Về người thừa kế:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy T là bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị M.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/6/2017 (BL 97), ông Nguyễn Văn H là Trưởng Ban quản lý khu phố 2, phường TS cung cấp như sau: "*...Bà M có 04 người con riêng (Nguyễn Thu N, Nguyễn Công Đ, Nguyễn Thành T và Nguyễn Quốc B). Trong thời gian sống chung, ông T và bà M cùng 04 người con sống rất hòa thuận và hạnh phúc. Ông T yêu thương, quan tâm và chăm sóc các con của bà M như con ruột của mình. Đồng thời, các con của bà M xem ông T như cha ruột của mình. Sau khi ông T mất, bà M và các con vẫn thờ cúng ông T tại nhà bà Mười (nhà đang tranh chấp)".* Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 652 và Điều 653 của Bộ luật này".* Do đó, ngoài bà Nguyễn Thị P và bà

Nguyễn Thị M, những người còn được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy T là ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Thu N, ông Nguyễn Công Đ, ông Nguyễn Thành T.

Như vậy, di sản thừa kế của ông T được chia thành 06 phần, mỗi người được hưởng: 396.636.455 đồng : 6 = 49.579.557 đồng (*bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng).*

Bà Nguyễn Thị M được chia 70% giá trị nhà, đất đối với tài sản chung của vợ chồng và một phần di sản thừa kế của ông T, mặc khác bà M đã sinh sống ổn định trên căn nhà này từ trước đến nay nên giao cho bà M được quyền sở hữu căn nhà gắn liền với thửa đất này. Bà M có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế di sản của ông T.

[6] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn bà Nguyễn Thị M: Tại phiên tòa hôm nay, bà M xin rút yêu cầu hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS theo GCNQSDĐ số AH 398xxx của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông T và bà M nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Với những phân tích đánh giá chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, chấp nhận một phần quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Về chi phí định giá tài sản: Ông Lê H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản là 1.297.000 đồng. Ông Lê H đồng ý chịu chi phí định giá tài sản nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Thu N, ông Nguyễn Công Đ, ông Nguyễn Thành T, mỗi người được hưởng phần giá trị di sản thừa kế bằng nhau là 49.579.557 đồng nên mỗi người phải chịu án phí 5% giá trị tài sản được hưởng là 2.478.978 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 611, 612, 623, 649, 651 và 654 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 165, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn.

Di sản thừa kế được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị M được nhận căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 3-(2), diện tích 135m^2, tọa lạc tại phường TS, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 398xxx của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông T và bà M, đã được chỉnh lý thành thửa số 168, tờ bản đồ số 12, phường TS, có diện tích 138,3m^2 (có trích lục bản đồ địa chính kèm theo). Bà Nguyễn Thị M liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán giá trị đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy T cho các ông, bà: Nguyễn Thị P, Nguyễn Quốc B, Nguyễn Thu N, Nguyễn Công Đ và Nguyễn Thành T, mỗi người 49.579.557 đồng (*bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng).*

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn bà Nguyễn Thị M.

- Về chi phí định giá tài sản: Ông Lê H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản là 1.297.000 đồng. Ông Lê H đồng ý chịu chi phí định giá tài sản nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí là 2.478.978 đồng, nhưng được khấu trừ vào 2.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011426 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Hoàn lại cho bà P 21.022 đồng.

Bà M phải chịu 2.478.978 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản bà được hưởng, nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011572 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà M còn phải chịu 2.278.978 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Thu N, ông Nguyễn Công Đ, ông Nguyễn Thành T mỗi người phải chịu án phí là 2.478.978 đồng đối với phần di sản ông, bà được nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của các đương sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Phòng KTNV và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Được